

KẾT QUẢ XÉT DUYỆT VÒNG 1
(Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển)

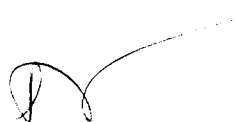
TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Kết quả xét duyệt Vòng 1	Ghi chú	
				Nơi đào tạo	Ngành	Hình thức đào tạo	Loại TN	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ				
A	Danh sách xét tuyển													
1	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	1979	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN	Công nghệ hóa học	Chính quy	Khá	2001	TS Hóa học		Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật Hóa học, Khoa Môi trường	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
2	Hà Hồng	Hạnh	Nữ	1985	Viện Đại học Mở Hà Nội	Công nghệ sinh học	Chính quy	Giỏi	2007	TS Di truyền học		Giảng viên Bộ môn Công nghệ sinh học, Khoa Môi trường	Không đủ điều kiện tham dự vòng 2	Không đạt yêu cầu của vị trí việc làm về ngành đào tạo
3	Lã Phú	Hiền	Nam	1985	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Trắc địa	Chính quy	Khá	2008	TS Công nghệ thông tin và môi trường	IELTS 6.0 Học ThS, TS tại Hàn Quốc	Giảng viên Bộ môn Trắc địa, Trung tâm Địa tin học	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
4	Bùi Thanh	Hiếu	Nam	1978	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG TP HCM	Máy tính	Chính quy	Khá	2001	TS Khoa học và kỹ thuật máy tính	IELTS 6.0 Học TS tại Hàn Quốc	Giảng viên Bộ môn Công nghệ thông tin, Cơ sở 2	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
5	Nguyễn Cảnh	Khoa	Nam	1977	Học viện Kỹ thuật Mật mã	Mật mã	Chính quy	Giỏi	2000	TS Khoa học thông tin	Học TS tại Australia	Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật máy tính và Mạng, Khoa Công nghệ thông tin	Đủ điều kiện xét tiếp nhận	Đã là viên chức của đơn vị khác
6	Mai Văn	Lập	Nam	1972	Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội	Vật lý	Chính quy	TBK	1993	TS Khoa học máy tính và công nghệ	Học TS tại Trung Quốc	Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật điều khiển và TĐH, Khoa Năng lượng	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	Đào tạo TS ở nước ngoài, có nhiều công bố quốc tế
7	Nguyễn Huy	Thế	Nam	1981	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Cơ tin kỹ thuật	Chính quy	Giỏi	2003	TS Vật lý kỹ thuật	Học TS tại CHLB Đức	Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật Cơ điện tử, Khoa Cơ khí	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
8	Nguyễn Tất Bảo	Thiện	Nam	1981	Trường Đại học Bách khoa, ĐHQG TP HCM	Cơ khí	Chính quy	Khá	2004	TS Điều khiển và máy tính	Học TS tại Đài Loan	Giảng viên Bộ môn Công nghệ thông tin, Cơ sở 2	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
9	Trần Văn	Tiến	Nam	1988	Trường Đại học Lâm nghiệp	Công nghệ sinh học	Chính quy	Khá	2010	TS Sinh học		Giảng viên Bộ môn Công nghệ sinh học, Khoa Môi trường	Không đủ điều kiện tham dự vòng 2	Không đạt yêu cầu của vị trí việc làm về ngành đào tạo
10	Nguyễn Tu	Trung	Nam	1985	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2	Tin học	Chính quy	Khá	2007	TS Hệ thống thông tin		Giảng viên Bộ môn Hệ thống thông tin, Khoa Công nghệ thông tin	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
11	Hoàng Quang	Trung	Nam	1980	Trường Đại học Công nghệ, ĐHQGHN	Điện tử - Viễn thông	Chính quy	Khá	2003	TS Kỹ thuật điện tử		Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật điều khiển và TĐH, Khoa Năng lượng	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
12	Đỗ Trường	Xuân	Nam	1989	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Điện tử viễn thông	Chính quy	Giỏi	2011	TS Mạng, máy tính, tự động	Học ThS, TS tại Hàn Quốc	Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật máy tính và Mạng, Khoa Công nghệ thông tin	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Kết quả xét duyệt Vòng 1	Ghi chú	
				Nơi đào tạo	Ngành	Hình thức đào tạo	Loại TN	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ				
B Danh sách xét ký hợp đồng														
1	Huỳnh Minh Anh	Nam	1994	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ thuật Cơ điện tử	Chính quy	Giỏi	2017	ĐH	TOEIC 700	Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật Cơ điện tử, Khoa Cơ khí	Không đủ điều kiện tham dự vòng 2	Không đạt yêu cầu của vị trí việc làm về trình độ đào tạo	
2	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	1991	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế	Chính quy	Giỏi	2013	ThS Kinh tế phát triển	IELTS 5.5	Giảng viên Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự vòng 2		
			Tài chính ngân hàng		2014									
3	Phan Thùy Dương	Nữ	1995	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi	2017	ThS Quản trị kinh doanh	Học ThS tại Vương quốc Bỉ	Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự vòng 2		
4	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	1978	Trường Đại học Giao thông vận tải	Điều khiển học kỹ thuật	Chính quy	Khá	2001	ThS Tự động hóa		Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật điều khiển và TĐH, Khoa Năng lượng	Đủ điều kiện tham dự vòng 2		
5	Phạm Thị Thu Hằng	Nữ	1979	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế	Chính quy	Khá	2001	ThS Quản trị kinh doanh	Cử nhân Tiếng Anh	Giảng viên Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Không đủ điều kiện tham dự vòng 2	Không đạt yêu cầu của vị trí việc làm về ngành đào tạo ở bậc thạc sĩ	
6	Trương Tuấn Hoàn	Nam	1993	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	Giáo dục thể chất	Chính quy	Giỏi	2015	ThS Giáo dục thể chất		Giảng viên Bộ môn Giáo dục thể chất, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh	Đủ điều kiện tham dự vòng 2		
7	Nguyễn Thị Hương	Nữ	1983	Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	Quản trị kinh doanh	Vừa làm vừa học	Khá	2009	ThS Quản trị kinh doanh	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Giảng viên Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Không đủ điều kiện tham dự vòng 2	Không đạt yêu cầu của vị trí việc làm về ngành đào tạo ở bậc đại học và thạc sĩ	
8	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	1989	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế	Chính quy	Giỏi	2011	ThS Kinh tế	IELTS 6.0	Giảng viên Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự vòng 2		
9	Nguyễn Thanh Huyền	Nữ	1987	Trường Đại học Hà Nội	Ngôn ngữ Anh	Chính quy	Khá	2010	ThS Quản trị kinh doanh		Giảng viên Bộ môn Tiếng Anh, Trung tâm Đào tạo quốc tế	Không đủ điều kiện tham dự vòng 2	Không đạt yêu cầu của vị trí việc làm về trình độ đào tạo và ngành đào tạo ở bậc thạc sĩ	
10	Hồ Hương Liên	Nữ	1989	Trường Đại học Khoa học và đời sống Praha, CH Séc	Kinh tế và quản lý	Chính quy	Giỏi	2012	ThS Nông nghiệp nhiệt đới	Học ĐH, ThS tại CH Séc	Giảng viên Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Không đủ điều kiện tham dự vòng 2	Không đạt yêu cầu của vị trí việc làm về ngành đào tạo ở bậc thạc sĩ	
11	Nguyễn Phương Linh	Nữ	1995	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Ngôn ngữ Anh	Chính quy	Khá	2017	ĐH; Đang trong thời gian đợi cấp bằng ThS ngành Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	IELTS 7.5	Giảng viên Bộ môn Tiếng Anh, Trung tâm Đào tạo quốc tế	Đủ điều kiện tham dự vòng 2		
12	Nguyễn Đức Minh	Nam	1979	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Điều khiển tự động	Chính quy	Khá	2002	ThS Tự động hóa	Cử nhân Tiếng Anh	Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật điều khiển và TĐH, Khoa Năng lượng	Đủ điều kiện tham dự vòng 2		
13	Đỗ Thủy Nga	Nữ	1982	Trường Đại học Công nghiệp TP.HCM	Khoa học máy tính	Chính quy	Khá	2008	ThS Công nghệ thông tin		Giảng viên Bộ môn Hệ thống thông tin, Khoa Công nghệ thông tin	Không đủ điều kiện tham dự vòng 2	Không đạt yêu cầu của vị trí việc làm về kết quả học tập ở bậc đại học	

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Kết quả xét duyệt Vòng 1	Ghi chú
				Nơi đào tạo	Ngành	Hình thức đào tạo	Loại TN	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ			
14	Bùi Bích Ngọc	Nữ	1995	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Sư phạm Tiếng Anh	Chính quy	Xuất sắc	2017	ĐH; Đang làm luận văn thạc sĩ ngành Sư phạm Tiếng Anh	IELTS 7.5	Giảng viên Bộ môn Tiếng Anh, Trung tâm Đào tạo quốc tế	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
15	Trần Khắc Ninh	Nam	1993	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế	Chính quy	Khá	2015	ThS Kinh tế	IELTS 6.0	Giảng viên Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
16	Phan Thúy Thảo	Nữ	1985	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kinh tế phát triển	Chính quy	Khá	2009	ThS ngành QTKD; Đã bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở ngành Kinh tế phát triển	IELTS 5.5	Giảng viên Bộ môn Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
17	Trần Huyền Thu	Nữ	1995	Trường Đại học Hà Nội	Ngôn ngữ Anh	Chính quy	Giỏi	2017	ĐH	IELTS 7.5	Giảng viên Bộ môn Tiếng Anh, Trung tâm Đào tạo quốc tế	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	IELTS 7.5; Tốt nghiệp đại học loại giỏi
18	Đào Ngọc Trung	Nam	1979	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Sư phạm Tiếng Anh	Chính quy	TBK	2001	ThS Ngôn ngữ học	Học ThS tại Mỹ	Giảng viên Bộ môn Tiếng Anh, Trung tâm Đào tạo quốc tế	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	Đào tạo thạc sĩ tại Mỹ
19	Nguyễn Văn Vinh	Nam	1988	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định	Kỹ thuật điện	Chính quy	Khá	2011	ThS ngành Kỹ thuật điện; NCS ngành Kỹ thuật điện tại Hàn Quốc		Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật điện, điện tử, Khoa Năng lượng	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
20	Bùi Thị Thanh Xuân	Nữ	1981	Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQGHN	Toán tin ứng dụng	Chính quy	Khá	2003	ThS ngành khoa học máy tính; Đã bảo vệ luận án tiến sĩ cấp cơ sở ngành HTTT	Cử nhân Tiếng Anh	Giảng viên Bộ môn Tin học và Kỹ thuật tính toán, Khoa Công nghệ thông tin	Đủ điều kiện tham dự vòng 2	
21	Lê Thị Hải Yến	Nữ	1992	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ thuật hóa học	Chính quy	Khá	2015	ĐH; Đã bảo vệ luận văn thạc sĩ ngành Vật lý kỹ thuật (đang trong thời gian đợi cấp bằng)		Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật Hóa học, Khoa Môi trường	Không đủ điều kiện tham dự vòng 2	Không đạt yêu cầu của vị trí việc làm về ngành đào tạo ở bậc thạc sĩ

Ghi chú: Vòng 2 - Sát hạch chuyên môn nghiệp vụ (phòng vấn hoặc thực hành giảng để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển).

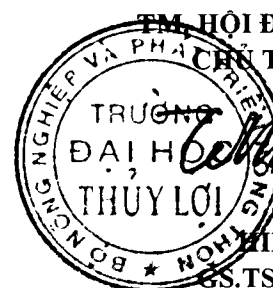
Ủy viên thư ký



Trịnh Quốc Công

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2019

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trịnh Minh Thu

